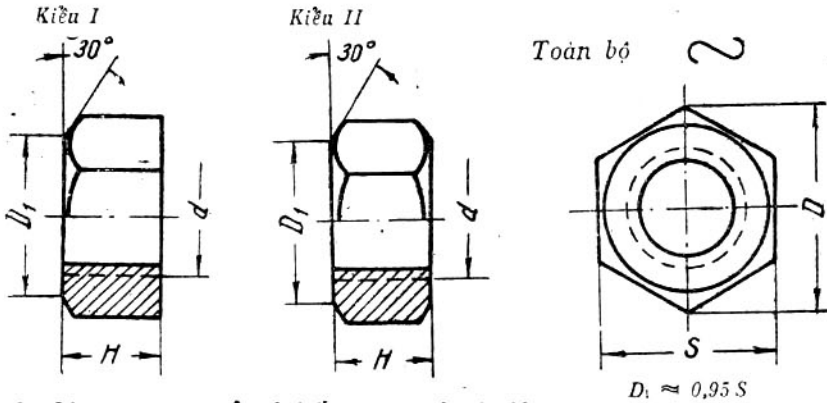


ĐAI ỐC THỔ SÁU CẠNH

TCVN 102-63

Kích thước

Nhóm C



$$D_1 \approx 0,95 S$$

Ví dụ ký hiệu quy ước của đai ốc đường kính 10 mm:

có ren bước lớn (Kiểu I):

Đai ốc M10 TCVN 102-63.

có ren bước nhỏ 1 mm (Kiểu I):

Đai ốc M10 × 1 TCVN 102-63.

có ren bước lớn (Kiểu II):

Đai ốc II M10 TCVN 102-63.

có ren bước nhỏ 1 mm (Kiểu II):

Đai ốc II M10 × 1 TCVN 102-63.

mm

Đường kính ren d	S		Chiều cao H		Đường kính vòng tròn ngoại tiếp D		Độ lệch tâm cho phép của lỗ	Khối lượng 1000 đai ốc kg ≈
	Kích thước danh nghĩa	Sai lệch cho phép	Kích thước danh nghĩa	Sai lệch cho phép	Kích thước danh nghĩa	Kích thước nhỏ nhất		
2	4		1,6		4,6	4,2	0,2	0,130
2,5	5	- 0,30	2	± 0,25	5,8	5,4	0,3	0,252
3	5,5		2,4		6,3	5,9	0,4	0,414
4	7		3,2		8,1	7,6	0,5	0,852
5	8	- 0,36	4	+ 0,30	9,2	8,7	0,6	1,257
6	10		5	- 0,48	11,5	10,9	0,7	2,338
8	14	- 0,43	6		16,2	15,5	0,8	5,745
10	17		8	+ 0,36	19,6	18,9	0,9	11,09
12	19		10	- 0,58	21,9	21,1	1,0	16,32
(14)	22		11		25,4	24,5		23,79
16	24	- 0,52	13		27,7	26,3		32,46
(18)	27		14	± 0,70	31,2	29,6		44,20
20	30		16		34,6	33,8		61,94
(22)	32		18		36,9	35,0		74,23
24	36	- 1,00	19		41,6	39,5		104,6
(27)	41		22	± 1,30	47,3	44,9		158,5
30	46		24		53,1	50,1		221,4
36	55		28		63,5	60,3		364,8
42	65	- 1,20	32	± 1,60	75,0	71,2		591,1
...		940,7

- Cố gắng không dùng những đai ốc có kích thước nằm trong dấu ngoặc.
- Yêu cầu kỹ thuật theo TCVN 124-63.
- Quy tắc nghiệm thu, bao gói và ghi nhãn hiệu theo TCVN 128-63.